

DANH SÁCH DỰ KIẾN TỐT NGHIỆP ĐỢT XÉT THÁNG 11-2025 (XÉT THỬ LẦN 1)

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
1	18542052	Nguyễn Hữu	Cảnh		29/08/2000	18542SP2	136	6.29	Trung Bình	
2	22609001	Trần Thị Ngọc	Diệp	Nữ	19/06/1988	22LC09SP3C	150	8.72	Giỏi	
3	22809002	Phan Thanh	Hằng	Nữ	15/10/1980	22LC09SP3C	150	7.71	Khá	
4	22809004	Đỗ Thị Mỹ	Hoàng	Nữ	03/11/1985	22LC09SP3C	150	7.48	Khá	
5	22609007	Trần Nguyễn Minh	Khánh	Nữ	06/02/2000	22LC09SP3C	150	8.19	Giỏi	
6	22809007	Nguyễn Hoàng	Lan	Nữ	04/10/2001	22LC09SP3C	150	7.60	Khá	
7	22809008	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	03/09/1980	22LC09SP3C	150	7.66	Khá	
8	22609010	Lê Thị Kim	Ngọc	Nữ	20/05/2000	22LC09SP3C	150	8.29	Giỏi	
9	22609011	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	19/03/2001	22LC09SP3C	150	8.31	Giỏi	
10	22609002	Trần Huỳnh Mai	Nguyên	Nữ	04/02/1998	22LC09SP3C	150	8.03	Giỏi	
11	22609023	Bạch Thị	Phụng	Nữ	22/05/1995	22LC09SP3C	150	7.74	Khá	
12	22809011	Huỳnh Văn	Tân		21/01/1975	22LC09SP3C	150	7.84	Khá	
13	22609016	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	21/10/1999	22LC09SP3C	150	8.29	Giỏi	
14	22609014	Phùng Thị Thủy	Tiên	Nữ	28/10/1991	22LC09SP3C	150	7.58	Khá	
15	22810015	Phạm Hoàng	Quân		26/12/2000	22LC10DN2	150	7.28	Khá	
16	22810020	Phạm Thị Phương	Thanh	Nữ	19/12/2002	22LC10DN2	150	7.91	Khá	
17	22810023	Phan Minh	Trí		11/08/2002	22LC10DN2	150	7.62	Khá	
18	22810055	Lâm Gia	Bảo		13/10/2001	22LC10LTT3	150	7.31	Khá	
19	22810056	Trần Trịnh Quốc	Bảo		15/11/2002	22LC10LTT3	150	7.11	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
20	22810057	Huỳnh Minh	Đạo		24/10/2002	22LC10LTT3	150	6.78	Khá	
21	22810059	Phan Minh	Hiếu		11/08/2001	22LC10LTT3	150	7.18	Khá	
22	22810075	Nguyễn Ngọc	Khê		01/04/1996	22LC10LTT3	150	7.36	Khá	
23	22810065	Trần Đình	Lộc		16/04/2001	22LC10LTT3	150	7.12	Khá	
24	22810076	Huỳnh Thị Diễm	My	Nữ	10/11/1999	22LC10LTT3	150	7.28	Khá	
25	22810077	Đặng Văn	Nghi		07/10/1999	22LC10LTT3	150	7.52	Khá	
26	22810069	Nguyễn Minh	Tân		28/02/2001	22LC10LTT3	150	7.04	Khá	
27	22810079	Trần Thanh	Tuấn		13/01/2000	22LC10LTT3	150	7.18	Khá	
28	22810031	Đỗ Lê Ngọc	Diễm	Nữ	05/12/1997	22LC10SP3	150	8.26	Giỏi	
29	22810036	Trần Thị Mỹ	Huệ	Nữ	02/08/1999	22LC10SP3	150	7.90	Khá	
30	22810041	Nguyễn Quốc	Khánh		06/09/1984	22LC10SP3	150	8.40	Giỏi	
31	22810040	Phạm Huỳnh Diễm	Kiều	Nữ	09/10/1995	22LC10SP3	150	8.03	Giỏi	
32	22810043	Nguyễn Hữu	Phong		25/11/2000	22LC10SP3	150	7.71	Khá	
33	22610003	Nguyễn Minh	Phương		25/11/1999	22LC10SP3	150	7.59	Khá	
34	22810050	Trần Minh	Thành		06/12/2000	22LC10SP3	150	7.86	Khá	
35	22610005	Đoàn Văn	Thiện		29/04/2001	22LC10SP3	150	7.44	Khá	
36	22610006	Nguyễn Đức	Trọng		12/06/1997	22LC10SP3	150	7.55	Khá	
37	22810049	Phạm Minh	Tuyền		22/10/2000	22LC10SP3	150	7.54	Khá	
38	22810052	Lê Ông Thanh	Vân	Nữ	29/06/1997	22LC10SP3	150	7.91	Khá	
39	22842013	Lưu Mạnh	Đạt		13/10/1998	22LC42DN2	152	7.34	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
40	22842023	Trần Minh	Khang		01/04/2002	22LC42DN2	152	7.38	Khá	
41	22842025	Trần Nam	Khánh		24/03/2002	22LC42DN2	152	7.16	Khá	
42	22842033	Đình Tấn	Phát		14/08/2002	22LC42DN2	152	6.78	Khá	
43	22842036	Hứa Tấn	Tài		19/04/2001	22LC42DN2	152	6.33	Trung bình	
44	22842037	Lê Thành	Tâm		29/04/2002	22LC42DN2	152	6.60	Khá	
45	22642007	Trần Minh	Triết		25/08/2001	22LC42DN2	152	6.69	Khá	
46	22842040	Vũ Anh	Tuấn		19/10/1998	22LC42DN2	152	7.21	Khá	
47	22842042	Đào Duy	Tùng		16/12/2002	22LC42DN2	152	6.86	Khá	
48	22842181	Trần Mạnh	Cường		21/01/2001	22LC42DN3	152	6.92	Khá	
49	22842185	Nguyễn Vương Minh	Đại		24/08/2002	22LC42DN3	152	6.99	Khá	
50	22842186	Nguyễn Ngọc	Đức		06/11/2002	22LC42DN3	152	6.73	Khá	
51	22842188	Võ Khải	Hoàn		07/11/2003	22LC42DN3	152	6.90	Khá	
52	22842192	Đào Ngọc Đăng	Khoa		25/10/2003	22LC42DN3	152	7.49	Khá	
53	22842193	Mai	Lâm		01/08/1989	22LC42DN3	152	7.66	Khá	
54	22842196	Nguyễn Lý Hoàn	Luật		18/06/2003	22LC42DN3	152	6.26	Trung bình	
55	22842197	Nguyễn Trung	Nhân		09/10/2003	22LC42DN3	152	7.24	Khá	
56	22842198	Đoàn Ngọc	Phúc		24/03/2003	22LC42DN3	152	6.60	Khá	
57	22842200	Trần Minh	Phương		01/10/1993	22LC42DN3	152	7.48	Khá	
58	22842203	Trần Anh	Quốc		13/09/2000	22LC42DN3	152	6.76	Khá	
59	22842210	Thạch Chane	Thia		30/08/2001	22LC42DN3	152	7.57	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
60	22842205	Nguyễn Kha	Tiến		02/03/1998	22LC42DN3	152	7.80	Khá	
61	22842207	Vũ Anh	Tuấn		15/10/2001	22LC42DN3	152	7.31	Khá	
62	22842219	Lê Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	14/01/2001	22LC42LTT3	152	7.62	Khá	
63	22842220	Mai Văn	Hiền		16/05/1998	22LC42LTT3	152	7.29	Khá	
64	22842221	Ông Quốc	Hòa		09/11/2001	22LC42LTT3	152	7.35	Khá	
65	22842223	Nguyễn Đức	Huy		02/06/2001	22LC42LTT3	152	7.72	Khá	
66	22842224	Đỗ Duy	Khiêm		01/08/1998	22LC42LTT3	152	7.55	Khá	
67	22842228	Bùi Đình	Nam		18/08/1997	22LC42LTT3	152	7.57	Khá	
68	22642078	Phan Trọng	Nghĩa		08/08/1994	22LC42LTT3	152	8.02	Giỏi	
69	22842230	Trần Thị Mỹ	Oanh	Nữ	29/08/1999	22LC42LTT3	152	8.11	Giỏi	
70	22642080	Lê Nguyễn Trường	Sơn		25/09/1994	22LC42LTT3	152	8.08	Giỏi	
71	22842235	Huỳnh Ngọc	Tân		21/02/2001	22LC42LTT3	152	7.61	Khá	
72	22842242	Nguyễn Phương	Trung		17/10/2001	22LC42LTT3	152	7.53	Khá	
73	22842243	Võ Trần Quốc	Việt		10/01/1998	22LC42LTT3	152	7.97	Khá	
74	22842244	Nhữ Đình	Vinh		09/01/2000	22LC42LTT3	152	7.60	Khá	
75	22642084	Nguyễn Thị Phi	Yến	Nữ	29/01/1998	22LC42LTT3	152	8.32	Giỏi	
76	22642009	Bùi Châu	Đức		08/12/2000	22LC42SP2C	152	6.89	Khá	
77	22642010	Lê Kim	Hàng		12/03/1998	22LC42SP2C	152	6.33	Trung bình	
78	22642033	Lê Minh	Trường		05/07/1999	22LC42SP2C	152	7.31	Khá	
79	22842071	Nguyễn Tiến	Hải		26/11/1999	22LC42SP2L	152	7.35	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
80	22842087	Nguyễn Hoàng	Phi		29/03/2000	22LC42SP2L	152	6.96	Khá	
81	22642045	Trần Công	Dương		08/03/2001	22LC42SP3C	152	7.38	Khá	
82	22642049	Lê Hoàng	Hải		07/05/1997	22LC42SP3C	152	8.15	Giỏi	
83	22642055	Mai Tuấn	Kiệt		22/08/2001	22LC42SP3C	152	7.18	Khá	
84	22642057	Nguyễn Phước	Lâm		14/02/2000	22LC42SP3C	152	7.34	Khá	
85	22642062	Võ Quang	Phát		13/01/2001	22LC42SP3C	152	7.19	Khá	
86	22642061	Vũ Thành	Phát		17/12/2001	22LC42SP3C	152	7.45	Khá	
87	22642072	Nguyễn Minh	Thuận		11/10/2001	22LC42SP3C	152	7.47	Khá	
88	22642073	Hồ Phúc	Thượng		16/04/2001	22LC42SP3C	152	7.13	Khá	
89	22642068	Quảng Đại	Tiên		14/11/2000	22LC42SP3C	152	7.13	Khá	
90	22642074	Võ Duy	Trọng		09/04/2001	22LC42SP3C	152	7.11	Khá	
91	22842119	Nguyễn Gia	Bảo		27/12/1999	22LC42SP3L	152	7.32	Khá	
92	22842122	Nguyễn Minh	Cường		06/03/2000	22LC42SP3L	152	7.15	Khá	
93	22842128	Lê Hoàng	Huy		19/05/2000	22LC42SP3L	152	6.94	Khá	
94	22842147	Lê Nguyễn Chúc Mai Ngọc	Quốc		16/12/2000	22LC42SP3L	152	6.51	Khá	
95	22842148	Cao Ngọc	Sơn		20/03/2001	22LC42SP3L	152	6.89	Khá	
96	22842151	Đỗ Quang	Tính		09/02/1997	22LC42SP3L	152	6.72	Khá	
97	22842166	Nguyễn Quốc	Trọng		17/03/2001	22LC42SP3L	152	6.67	Khá	
98	22842173	Dương Văn	Út		05/12/2001	22LC42SP3L	152	6.77	Khá	
99	22843014	Phạm Trung	Hiếu		18/02/2002	22LC43DN2	150	7.53	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
100	22843038	Vũ Thiện	Tiến		28/09/1997	22LC43DN2	150	7.15	Khá	
101	22843045	Đoàn Mạnh	Trường		24/09/1997	22LC43DN2	150	7.11	Khá	
102	22843162	Đỗ Thái	Hòa		06/04/2000	22LC43DN3	150	7.23	Khá	
103	22843180	Trương Nhật	Thành		03/03/2003	22LC43DN3	150	7.12	Khá	
104	22843182	Nguyễn Mai Phước	Thọ		05/07/2000	22LC43DN3	150	7.49	Khá	
105	22843185	Nguyễn Thị Xuân	Thương	Nữ	10/07/1999	22LC43DN3	150	8.35	Giỏi	
106	22643006	Hoàng Anh	Dũng		04/12/2001	22LC43SP2C	150	7.78	Khá	
107	22643017	Tạ Văn	Nghĩa		25/07/1997	22LC43SP2C	150	7.91	Khá	
108	22843050	Lương Thanh	Cao		29/11/1999	22LC43SP2L	150	7.12	Khá	
109	22843049	Nguyễn Hữu	Cảnh		16/10/2000	22LC43SP2L	150	6.84	Khá	
110	22843054	Lâm Nhật	Duy		31/05/1997	22LC43SP2L	150	7.06	Khá	
111	22843057	Nguyễn Đỗ Thành	Đạt		25/08/1999	22LC43SP2L	150	7.08	Khá	
112	22843068	Trần Gia	Khang		29/11/2000	22LC43SP2L	150	7.42	Khá	
113	22843072	Phạm Khắc	Lễ		01/08/1999	22LC43SP2L	150	6.69	Khá	
114	22843074	Dương Bảo	Long		09/12/1994	22LC43SP2L	150	7.19	Khá	
115	22843096	Đặng Tân	Thời		14/12/2000	22LC43SP2L	150	6.78	Khá	
116	22843086	Lê Phan Thanh	Tú		13/03/2000	22LC43SP2L	150	7.36	Khá	
117	22843087	Trương Thành Thanh	Tú		03/11/1997	22LC43SP2L	150	6.44	Trung bình	
118	22843103	Nguyễn Xuân	Vũ		01/06/1997	22LC43SP2L	150	7.22	Khá	
119	22643037	Bùi Văn Thế	Bảo		25/09/2001	22LC43SP3C	150	7.02	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
120	22643041	Nguyễn Văn Phong	Chương		08/05/2001	22LC43SP3C	150	7.31	Khá	
121	22643070	Trần Tiến	Đạt		26/09/1998	22LC43SP3C	150	7.58	Khá	
122	22643051	Đặng Trung	Kiên		04/01/2000	22LC43SP3C	150	7.01	Khá	
123	22643054	Hứa Minh	Luân		04/05/2001	22LC43SP3C	150	6.93	Khá	
124	22643058	Hồ Thanh	Phong		27/05/2001	22LC43SP3C	150	7.07	Khá	
125	22643060	Huỳnh Thanh	Quân		01/02/1995	22LC43SP3C	150	7.98	Khá	
126	22643064	Nguyễn Xuân	Thanh		05/03/2001	22LC43SP3C	150	7.42	Khá	
127	22643065	Trần Công	Thành		12/05/1995	22LC43SP3C	150	7.57	Khá	
128	22643066	Nguyễn Ngọc	Thiên		11/06/2001	22LC43SP3C	150	6.94	Khá	
129	22843106	Nguyễn Đức	Bảo		27/09/2000	22LC43SP3L	150	8.16	Giỏi	
130	22843107	Lê Sỹ	Bình		26/10/2000	22LC43SP3L	150	7.02	Khá	
131	22843189	Võ Sĩ	Cồ		10/07/2001	22LC43SP3L	150	7.18	Khá	
132	22843113	Quảng Quốc Phát	Đạt		22/10/2000	22LC43SP3L	150	7.11	Khá	
133	22843118	Trần Long	Hồ		07/10/1996	22LC43SP3L	150	7.14	Khá	
134	22843209	Ngô Thanh Bảo	Long		28/04/2000	22LC43SP3L	150	7.26	Khá	
135	22843126	Phan Minh	Lộc		16/12/2000	22LC43SP3L	150	7.44	Khá	
136	22843134	Nguyễn Thanh	Phương		07/12/2001	22LC43SP3L	150	7.28	Khá	
137	22843133	Lê Hồng	Phước		02/02/2000	22LC43SP3L	150	8.08	Giỏi	
138	22843215	Đỗ Huỳnh Minh	Quang		25/10/2000	22LC43SP3L	150	7.78	Khá	
139	22843141	Nguyễn Chi	Tiến		04/10/2001	22LC43SP3L	150	7.41	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
140	22843147	Huỳnh Minh	Trung		15/09/2001	22LC43SP3L	150	7.06	Khá	
141	22843148	Lê Quang	Trung		02/01/2001	22LC43SP3L	150	7.47	Khá	
142	22843149	Đoàn Khang	Trường		07/11/2000	22LC43SP3L	150	7.02	Khá	
143	22843151	Lê Quang	Trường		24/03/2001	22LC43SP3L	150	7.01	Khá	
144	22843143	Phan Kim	Tuyền	Nữ	28/10/2000	22LC43SP3L	150	6.71	Khá	
145	22843152	Nguyễn Hoài	Vũ		20/10/1997	22LC43SP3L	150	7.45	Khá	
146	22845003	Nguyễn Hoàng Minh	Đức		22/11/2002	22LC45DN2	150	6.75	Khá	
147	22845005	Phạm Lê Huy	Hoàng		24/09/1998	22LC45DN2	150	6.51	Khá	
148	22845009	Nguyễn Huy	Quốc		12/08/2000	22LC45DN2	150	6.77	Khá	
149	22845016	Phạm Đức	Thiện		02/08/2001	22LC45DN2	150	6.70	Khá	
150	22845139	Lê Quang	Điền		29/12/2003	22LC45DN3	150	7.01	Khá	
151	22845143	Phạm Duy	Hưng		04/12/2001	22LC45DN3	150	6.81	Khá	
152	22845213	Nguyễn Bất	Thành		17/07/2003	22LC45DN3	150	7.02	Khá	
153	22845157	Võ Văn	Bình		02/12/1999	22LC45LTT3	150	7.77	Khá	
154	22845179	Đỗ Hoàng	Long		06/04/2002	22LC45LTT3	150	7.07	Khá	
155	22645031	Nguyễn Hồng	Sơn		06/12/1998	22LC45LTT3	150	7.28	Khá	
156	22845197	Nguyễn Văn	Tân		26/06/2001	22LC45LTT3	150	6.96	Khá	
157	22845199	Phạm Năng	Tĩnh		03/02/1999	22LC45LTT3	150	7.02	Khá	
158	22845033	Nại Thành	Đề		22/03/1999	22LC45SP2L	150	7.28	Khá	
159	22845045	Đoàn Tuấn	Kiệt		02/12/1998	22LC45SP2L	150	7.23	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
160	22845075	Huỳnh Đức	Thuận		05/08/2000	22LC45SP2L	150	6.94	Khá	
161	22845080	Nguyễn Hoài	Bảo		05/09/2001	22LC45SP3	150	7.25	Khá	
162	22845085	Nguyễn Thị Anh	Đào	Nữ	25/09/1999	22LC45SP3	150	6.47	Trung bình	
163	22845086	Phạm Quốc	Đạt		14/11/2000	22LC45SP3	150	7.23	Khá	
164	22645017	Phan Đình	Hải		01/12/1991	22LC45SP3	150	7.38	Khá	
165	22845097	Trịnh Gia	Huy		11/10/2000	22LC45SP3	150	7.31	Khá	
166	22845101	Đặng Quốc	Kiệt		16/09/1999	22LC45SP3	150	7.64	Khá	
167	22845105	Nguyễn Phạm Thành	Long		10/05/1999	22LC45SP3	150	6.79	Khá	
168	22845108	Phan Hữu	Lực		17/03/2001	22LC45SP3	150	7.32	Khá	
169	22645019	Bùi Hữu Phương	Nam		27/02/2001	22LC45SP3	150	7.33	Khá	
170	22645021	Cao Như	Quỳnh		05/04/1998	22LC45SP3	150	6.80	Khá	
171	22645022	Nguyễn Tấn	Tài		20/03/2000	22LC45SP3	150	7.64	Khá	
172	22845122	Đặng Ngọc Duy	Tân		02/10/1998	22LC45SP3	150	6.76	Khá	
173	22845130	Huỳnh Tấn	Thành		21/12/1997	22LC45SP3	150	6.87	Khá	
174	22645025	Trần Đức	Thi		13/09/2001	22LC45SP3	150	7.37	Khá	
175	22845128	Nguyễn Đình	Tuấn		10/10/1993	22LC45SP3	150	7.38	Khá	
176	22845127	Đặng Huỳnh Anh	Tú		31/05/1996	22LC45SP3	150	6.56	Khá	
177	22646004	Nguyễn Ngọc	Danh		10/09/1998	22LC46SP3C	150	7.59	Khá	
178	22646010	Nguyễn Văn	Hậu		26/05/2001	22LC46SP3C	150	6.60	Khá	
179	22646012	Nguyễn Đình	Học		30/01/2001	22LC46SP3C	150	6.99	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
180	22646014	Nguyễn Hoàng	Hưng		04/12/2000	22LC46SP3C	150	7.17	Khá	
181	22646016	Nguyễn Văn	Khoa		03/03/1995	22LC46SP3C	150	6.68	Khá	
182	22646017	Nguyễn Đình	Khôi		23/01/2000	22LC46SP3C	150	6.39	Trung bình	
183	22646020	Lưu Cương	Lĩnh		24/10/2000	22LC46SP3C	150	6.83	Khá	
184	22646025	Hoàng Công	Minh		10/08/1997	22LC46SP3C	150	7.59	Khá	
185	22646026	Phạm Ngọc	Minh		31/12/2000	22LC46SP3C	150	6.87	Khá	
186	22646030	Nguyễn Văn	Nghĩa		17/12/1996	22LC46SP3C	150	7.71	Khá	
187	22646029	Nguyễn Quỳnh Trung	Nghị		18/09/2001	22LC46SP3C	150	8.09	Giỏi	
188	22646039	Trần Mạnh	Tài		13/03/1993	22LC46SP3C	150	7.20	Khá	
189	22646044	Lý Tất	Thành		15/01/1998	22LC46SP3C	150	7.06	Khá	
190	22646048	Thân Quốc	Trình		16/08/1999	22LC46SP3C	150	6.90	Khá	
191	22646047	Lê Minh	Trí		09/12/2001	22LC46SP3C	150	6.57	Khá	
192	22646049	Nguyễn Trí	Trọng		30/05/2001	22LC46SP3C	150	6.52	Khá	
193	22646041	Phan Quang	Tuấn		01/05/1981	22LC46SP3C	150	6.85	Khá	
194	22646040	Trần Thanh	Tuấn		21/02/2000	22LC46SP3C	150	7.03	Khá	
195	22846008	Bùi Sĩ	Hội		03/07/2000	22LC46SP3L	150	6.53	Khá	
196	22846010	Lê Duy	Khang		24/04/2000	22LC46SP3L	150	6.18	Trung bình	
197	22846012	Trần Đình	Luân		21/04/2000	22LC46SP3L	150	6.50	Khá	
198	22846014	Nguyễn Hồ Vĩ	Phúc		16/06/2000	22LC46SP3L	150	7.19	Khá	
199	22846016	Ngô Quốc	Quý		10/03/2000	22LC46SP3L	150	6.29	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
200	22846018	Trần Văn	Sỹ		25/12/1999	22LC46SP3L	150	7.13	Khá	
201	22846021	Trần Minh	Toàn		06/12/2001	22LC46SP3L	150	6.35	Trung bình	
202	22846025	Võ Minh	Trí		04/02/1999	22LC46SP3L	150	7.42	Khá	
203	22846027	Lê Trung	Vĩnh		31/12/1997	22LC46SP3L	150	7.34	Khá	
204	22847056	Nguyễn Đức	Anh		30/03/1995	22LC47DN3	150	6.97	Khá	
205	22847058	Trần Phú	Ân		26/05/2001	22LC47DN3	150	7.48	Khá	
206	22847066	Huỳnh Minh	Tân		09/11/1996	22LC47DN3	150	7.67	Khá	
207	22847067	Trần Nguyễn Tuấn	Tân		18/11/2002	22LC47DN3	150	6.56	Khá	
208	22847068	Lê Quốc	Tiến		29/06/1999	22LC47DN3	150	7.64	Khá	
209	22847069	Trần Nguyễn Tuấn	Tới		18/11/2002	22LC47DN3	150	6.68	Khá	
210	22847070	Nguyễn Phan Anh	Tuấn		15/09/2003	22LC47DN3	150	7.11	Khá	
211	22647006	Phan Trường	Giang		17/12/2001	22LC47SP3C	150	7.22	Khá	
212	22647007	Nguyễn Cảnh	Hiếu		14/03/2001	22LC47SP3C	150	7.75	Khá	
213	22647010	Phạm Quốc	Lộc		28/04/2001	22LC47SP3C	151	6.97	Khá	
214	22647012	Phạm Minh	Pha		16/10/2001	22LC47SP3C	150	7.50	Khá	
215	22647013	Nguyễn Nhật	Phi		07/11/2001	22LC47SP3C	151	7.29	Khá	
216	22647017	Đoàn Khiết	Tường		24/08/2001	22LC47SP3C	150	7.87	Khá	
217	22647020	Phạm Quang	Vinh		28/11/1997	22LC47SP3C	150	7.29	Khá	
218	22847003	Phạm Tuấn	Anh		11/03/2000	22LC47SP3L	150	7.27	Khá	
219	22847006	Trần Thanh	Chiến		14/01/1999	22LC47SP3L	150	7.25	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
220	22847007	Mai Đình	Chinh		08/09/1996	22LC47SP3L	150	7.06	Khá	
221	22847004	Võ Huỳnh Ngọc	Côn		10/02/1995	22LC47SP3L	150	7.53	Khá	
222	22847005	Võ Chí	Cường		22/09/2000	22LC47SP3L	150	7.34	Khá	
223	22847008	Võ Nhật	Danh		03/07/2000	22LC47SP3L	150	7.07	Khá	
224	22847010	Võ Đức	Duy		31/07/1998	22LC47SP3L	150	7.23	Khá	
225	22847011	Dương Tấn	Đạt		13/07/1994	22LC47SP3L	150	7.00	Khá	
226	22847014	Nguyễn Minh	Đức		20/10/2001	22LC47SP3L	150	7.25	Khá	
227	22847018	Nguyễn Văn	Hiếu		18/04/1996	22LC47SP3L	150	7.37	Khá	
228	22847020	Nguyễn Văn	Hòa		12/06/2000	22LC47SP3L	150	6.91	Khá	
229	22847023	Lê Hoàng	Huy		13/06/2001	22LC47SP3L	150	7.24	Khá	
230	22847022	Lê Quang	Huy		17/11/2001	22LC47SP3L	150	7.49	Khá	
231	22847021	Mai Quốc	Hùng		14/10/2000	22LC47SP3L	150	7.23	Khá	
232	22847024	Võ Anh	Kiệt		07/05/2001	22LC47SP3L	150	7.06	Khá	
233	22847029	Hồ Tấn	Minh		26/07/1995	22LC47SP3L	150	7.38	Khá	
234	22847033	Nguyễn Anh	Ngọc		26/04/1996	22LC47SP3L	150	7.95	Khá	
235	22847034	Trần Chí	Nguyên		10/12/2001	22LC47SP3L	150	7.00	Khá	
236	22847035	Đỗ Hoàng	Nhi		29/11/2001	22LC47SP3L	150	7.26	Khá	
237	22847036	Trương Minh	Nhật		29/09/1996	22LC47SP3L	150	6.84	Khá	
238	22847042	Ngô Văn	Sang		17/02/1996	22LC47SP3L	150	6.93	Khá	
239	22847047	Nguyễn Lê Xuân	Thành		30/10/2003	22LC47SP3L	150	7.16	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
240	22847048	Hồ Nhật	Thiện		31/07/2000	22LC47SP3L	150	7.29	Khá	
241	22847049	Nguyễn Văn	Thìn		20/05/2000	22LC47SP3L	150	7.10	Khá	
242	22847053	Nguyễn Huỳnh Nhật	Trường		02/04/2003	22LC47SP3L	150	7.26	Khá	
243	22849003	Nguyễn Chí	Hiền		15/08/1997	22LC49SP3	153	7.58	Khá	
244	22649002	Bùi Xuân	Kiên		15/08/1993	22LC49SP3	153	7.14	Khá	
245	22649003	Đặng Diệp	Lĩnh		05/11/1992	22LC49SP3	153	7.50	Khá	
246	22649006	Trần Phạm Thanh	Sang		16/04/1992	22LC49SP3	153	8.25	Giỏi	
247	22849008	Nguyễn Văn	Tào		30/01/2000	22LC49SP3	153	7.44	Khá	
248	22849011	Mai Văn	Thành		16/09/1991	22LC49SP3	153	6.63	Khá	
249	22651002	Lê Duy	Cường		29/07/2001	22LC51SP3C	150	6.90	Khá	
250	22651006	Nguyễn Thành	Đại		06/12/2000	22LC51SP3C	150	6.86	Khá	
251	22651009	Nguyễn Văn	Được		14/06/1997	22LC51SP3C	150	7.59	Khá	
252	22651014	Phan Tấn	Hung		07/02/1998	22LC51SP3C	150	6.97	Khá	
253	22651016	Võ Tuấn	Kiệt		29/08/2000	22LC51SP3C	150	6.88	Khá	
254	22651017	Võ Hoàng	Lam		09/05/2000	22LC51SP3C	150	7.57	Khá	
255	22651019	Trần Huy	Minh		24/01/2000	22LC51SP3C	150	6.81	Khá	
256	22651022	Đào Hoàng Hồng	Phúc		11/04/2000	22LC51SP3C	150	7.03	Khá	
257	22651021	Nguyễn Hồ	Phúc		23/10/1995	22LC51SP3C	150	7.39	Khá	
258	22651028	Lê Thị Thảo	Sương	Nữ	04/05/2000	22LC51SP3C	150	6.70	Khá	
259	22651032	Trương Hoàng	Vĩ		20/11/1997	22LC51SP3C	150	6.84	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
260	22851007	Nguyễn Đình	Khang		02/08/1999	22LC51SP3L	150	6.83	Khá	
261	22851009	Trần Nguyên	Khoa		09/04/2000	22LC51SP3L	150	7.78	Khá	
262	22851010	Hoàng Công	Lâm		26/10/1994	22LC51SP3L	150	7.14	Khá	
263	22851018	Nguyễn Phan Hoàng	Phúc		08/05/1994	22LC51SP3L	150	7.67	Khá	
264	22851019	Đặng Minh	Phước		19/01/2001	22LC51SP3L	150	7.77	Khá	
265	22851022	Nguyễn Tú	Tài		11/01/2001	22LC51SP3L	150	7.24	Khá	
266	22851027	Huỳnh Tấn	Thành		27/06/2001	22LC51SP3L	150	6.56	Khá	
267	22851028	Nguyễn Văn	Thế		21/04/1999	22LC51SP3L	150	6.90	Khá	
268	22851030	Nguyễn Văn	Thinh		14/12/2001	22LC51SP3L	150	6.72	Khá	
269	22851023	Trương Minh	Tiến		23/12/2001	22LC51SP3L	150	6.66	Khá	
270	22861048	Đặng Thanh	Ân		04/01/2003	22LC61DN3	150	7.23	Khá	
271	22861050	Lưu Quốc	Bảo		01/04/2003	22LC61DN3	150	7.24	Khá	
272	22861051	Trần Cao	Dương		30/04/2003	22LC61DN3	150	7.18	Khá	
273	22861052	Hồ Hữu	Đạt		29/09/1999	22LC61DN3	150	7.28	Khá	
274	22861054	Nguyễn Minh	Hiếu		14/08/2003	22LC61DN3	150	7.74	Khá	
275	22861056	Nguyễn Ngọc	Quang		21/10/2003	22LC61DN3	150	7.06	Khá	
276	22861058	Nguyễn Đình	Tú		13/09/2000	22LC61DN3	150	8.19	Giỏi	
277	22661005	Nguyễn Thế	Dũng		29/10/1996	22LC61SP3C	150	8.05	Giỏi	
278	22661006	Nguyễn Tấn	Đạt		24/04/2000	22LC61SP3C	150	7.20	Khá	
279	22661009	Nguyễn Mai Công	Hào		30/09/2000	22LC61SP3C	150	7.25	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
280	22661014	Hồ Tuấn	Khanh		12/07/1994	22LC61SP3C	150	7.59	Khá	
281	22661016	Huỳnh Quang	Khánh		10/09/2000	22LC61SP3C	150	6.87	Khá	
282	22661021	Nguyễn Hoàng	Minh		16/10/1999	22LC61SP3C	150	7.35	Khá	
283	22661024	Nguyễn Văn	Nam		07/11/1999	22LC61SP3C	150	7.02	Khá	
284	22661023	Phạm Hoàng	Nam		08/08/2000	22LC61SP3C	150	7.46	Khá	
285	22661026	Châu Phúc	Nhân		25/01/1999	22LC61SP3C	150	7.29	Khá	
286	22661029	Chu Ích Bảo	Phúc		01/11/2000	22LC61SP3C	150	7.10	Khá	
287	22661030	Mạch Quốc	Quý		06/08/1995	22LC61SP3C	150	8.03	Giỏi	
288	22661034	Nguyễn Minh	Thành		14/02/1998	22LC61SP3C	150	7.27	Khá	
289	22661038	Trần Văn	Trung		20/12/1999	22LC61SP3C	150	7.26	Khá	
290	22661040	Phạm Như	Trường		15/12/2000	22LC61SP3C	150	6.81	Khá	
291	22661032	Lê Anh	Tuấn		15/12/2000	22LC61SP3C	150	7.36	Khá	
292	22661041	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	Nữ	29/12/1997	22LC61SP3C	150	7.66	Khá	
293	22661042	Nguyễn Tuấn	Việt		24/11/2000	22LC61SP3C	151	7.93	Khá	
294	22861020	Trần Quốc	Công		23/06/2000	22LC61SP3L	150	6.84	Khá	
295	22861021	Đặng Quốc	Duy		10/06/1998	22LC61SP3L	150	6.79	Khá	
296	22861025	Lương Văn	Hoàng		09/04/2000	22LC61SP3L	150	6.80	Khá	
297	22861026	Trung Tuấn	Kiệt		19/11/2000	22LC61SP3L	150	7.33	Khá	
298	22861027	Bùi Anh	Kỳ		16/01/2001	22LC61SP3L	150	8.26	Giỏi	
299	22861031	Chu Đức Tuấn	Nam		22/12/1995	22LC61SP3L	150	7.80	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
300	22861032	Nguyễn Khánh	Nam		14/12/1998	22LC61SP3L	150	7.18	Khá	
301	22861033	Trịnh Minh	Như		01/02/1995	22LC61SP3L	150	7.33	Khá	
302	22861036	Nguyễn Quang	Tâm		11/04/2000	22LC61SP3L	150	7.77	Khá	
303	22861037	Trần Nhựt	Tân		10/06/1996	22LC61SP3L	150	7.06	Khá	
304	22861040	Huỳnh Thiên	Thành		19/04/2001	22LC61SP3L	150	7.17	Khá	
305	22861041	Vũ Đức	Thắng		08/03/2000	22LC61SP3L	150	7.01	Khá	
306	22861042	Võ Văn	Thiện		03/08/1999	22LC61SP3L	150	6.89	Khá	
307	22861043	Đặng Thị Kim	Thoa	Nữ	02/08/2000	22LC61SP3L	150	7.20	Khá	
308	22861044	Trần Thị Bé	Thư	Nữ	02/02/1994	22LC61SP3L	150	8.02	Giỏi	
309	23825003	Hồ Thị Ngọc	Hiệp	Nữ	05/04/2001	23LC25SP1	125	7.67	Khá	
310	23825004	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	20/01/2001	23LC25SP1	125	7.75	Khá	
311	23625004	Nguyễn Thị Mỹ	Kiều	Nữ	08/09/1998	23LC25SP1	125	7.83	Khá	
312	23825007	Nguyễn Thị Phương	Loan	Nữ	07/10/1999	23LC25SP1	125	8.35	Giỏi	
313	23625005	Võ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	17/12/1992	23LC25SP1	125	7.59	Khá	
314	23825009	Nguyễn Ngọc Trúc	Quyên	Nữ	22/05/2000	23LC25SP1	125	7.70	Khá	
315	23625009	Nguyễn Thị Thùy	Vi	Nữ	02/01/1994	23LC25SP1	125	8.44	Giỏi	
316	23625010	Văn Thị Thúy	Vy	Nữ	16/06/1995	23LC25SP1	125	7.97	Khá	
317	23825017	Nguyễn Thị Kim	Yến	Nữ	03/10/2000	23LC25SP1	125	7.73	Khá	
318	23842048	Nguyễn Tuấn	Anh		06/05/1995	23LC42AG1	152	7.06	Khá	
319	23842047	Trần Nhựt	Anh		10/12/2002	23LC42AG1	152	7.06	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
320	23642022	Đỗ Thành	Danh		17/08/1982	23LC42AG1	152	7.55	Khá	
321	23842051	Trần Văn	Dự		10/10/1991	23LC42AG1	152	7.42	Khá	
322	23842050	Lê Văn	Đông		15/03/1998	23LC42AG1	152	7.53	Khá	
323	23842053	Lê Văn	Hiền		11/02/1991	23LC42AG1	152	7.21	Khá	
324	23842153	Nguyễn Thái Quang	Huy		26/09/1997	23LC42AG1	152	7.56	Khá	
325	23842054	Vũ Minh	Kha		12/05/1999	23LC42AG1	152	7.53	Khá	
326	23842056	Hồ Mai	Khoa		15/07/1994	23LC42AG1	152	7.37	Khá	
327	23842057	Trần Đăng	Khoa		28/08/1997	23LC42AG1	152	7.05	Khá	
328	23842058	Nguyễn Tuấn	Kiệt		02/03/1998	23LC42AG1	152	7.27	Khá	
329	23642024	Nguyễn Huy	Linh		27/03/1980	23LC42AG1	152	7.69	Khá	
330	23842060	Mai Văn Tuấn	Lợi		11/07/2000	23LC42AG1	152	7.34	Khá	
331	23842061	Chau	Sát		04/04/1985	23LC42AG1	152	7.15	Khá	
332	23842062	Nguyễn Văn	Sony		26/07/1995	23LC42AG1	152	7.58	Khá	
333	23842064	Nguyễn Ngọc Phương	Thịnh		07/01/1997	23LC42AG1	152	7.52	Khá	
334	23842066	Nguyễn Văn	Thung		24/08/1998	23LC42AG1	152	7.56	Khá	
335	23842068	Lê Quý	Trọng		11/03/1997	23LC42AG1	152	7.82	Khá	
336	23842069	Lê Minh	Tuyền		28/09/1993	23LC42AG1	152	7.67	Khá	
337	23842070	Lê Thành	Ty		15/11/1994	23LC42AG1	152	7.26	Khá	
338	23842071	Neáng Sa	Vinh	Nữ	20/10/1987	23LC42AG1	152	7.38	Khá	
339	23842072	Nguyễn Văn	Xil		04/03/1992	23LC42AG1	152	7.47	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
340	23842073	Nguyễn Trọng	Ân		20/12/2002	23LC42COT1	152	7.09	Khá	
341	23842074	Lê Tại	Chức		30/08/1999	23LC42COT1	152	7.26	Khá	
342	23642027	Trương Quốc	Gia		20/05/1995	23LC42COT1	152	7.71	Khá	
343	23642028	Phạm Hồng	Hải		07/07/1997	23LC42COT1	152	7.63	Khá	
344	23842076	Nguyễn Trọng	Hiệp		23/11/2001	23LC42COT1	152	6.79	Khá	
345	23642029	Nguyễn	Phi		16/02/1997	23LC42COT1	152	7.21	Khá	
346	23842081	Nguyễn Văn	Sang		27/05/2000	23LC42COT1	152	6.94	Khá	
347	23842082	Trần Nguyễn Tấn	Sang		01/01/1999	23LC42COT1	152	7.08	Khá	
348	23842083	Huỳnh Minh	Thông		12/09/1995	23LC42COT1	152	7.20	Khá	
349	23842085	Nguyễn Thanh	Tiến		26/07/1999	23LC42COT1	152	7.28	Khá	
350	23842086	Phạm Tiến	Trình		05/12/1999	23LC42COT1	152	6.80	Khá	
351	23842087	Lê Đình	Trung		25/09/2000	23LC42COT1	152	7.50	Khá	
352	23642030	Nguyễn Văn	Tú		07/06/1994	23LC42COT1	152	7.40	Khá	
353	23842111	Hồ Tuấn	Anh		01/10/2001	23LC42DNC1	152	7.91	Khá	
354	23842110	Hồ Đình Long	Ân		23/12/2002	23LC42DNC1	152	7.92	Khá	
355	23842112	Ngô Minh	Công		09/02/2002	23LC42DNC1	152	7.34	Khá	
356	23842115	Lê Quang	Cường		08/01/2000	23LC42DNC1	152	7.12	Khá	
357	23842114	Nguyễn Quốc	Cường		27/05/1997	23LC42DNC1	152	7.71	Khá	
358	23842117	Lý Văn	Đông		08/09/1997	23LC42DNC1	152	7.53	Khá	
359	23842119	Chương Hương	Đức		24/05/1997	23LC42DNC1	152	7.27	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
360	23842122	Phan Thanh	Hiếu		11/10/2001	23LC42DNC1	152	7.43	Khá	
361	23842126	Hoàng Trọng	Kha		24/11/2001	23LC42DNC1	152	7.28	Khá	
362	23842127	Nguyễn Vĩnh	Kham		19/04/1999	23LC42DNC1	152	8.26	Giỏi	
363	23842128	Phạm Văn	Khang		19/09/1999	23LC42DNC1	152	7.59	Khá	
364	23842131	Ngô Kim	Long		14/10/1998	23LC42DNC1	152	7.44	Khá	
365	23842134	Lê Minh	Nhật		10/05/2001	23LC42DNC1	152	7.10	Khá	
366	23842135	Huỳnh Bá	Phát		22/04/1993	23LC42DNC1	152	7.55	Khá	
367	23842141	Huỳnh Thiện	Tài		22/04/1993	23LC42DNC1	152	7.35	Khá	
368	23842142	Đoàn Duy	Thái		02/12/2002	23LC42DNC1	152	7.06	Khá	
369	23842146	Trương Ngọc	Thiện		27/11/2001	23LC42DNC1	152	7.29	Khá	
370	23842151	Dương Thanh	Tùng		04/08/1996	23LC42DNC1	152	7.33	Khá	
371	23842149	Đoàn Đình	Tú		25/10/2000	23LC42DNC1	152	7.00	Khá	
372	23842152	Trần Cao Phong	Vũ		11/02/1997	23LC42DNC1	152	7.34	Khá	
373	23842104	Nguyễn Anh	Tài		28/06/1999	23LC42KH1	152	7.12	Khá	
374	23842108	Dương Thanh	Toàn		20/11/1994	23LC42KH1	152	7.03	Khá	
375	23642032	Lê Xuân	Tứ		30/11/1992	23LC42KH1	152	7.27	Khá	
376	23642003	Trần Ngọc Phương	Duy		16/06/2001	23LC42SP1C	152	7.11	Khá	
377	23642004	Huỳnh Phúc	Hậu		28/11/1994	23LC42SP1C	152	7.96	Khá	
378	23642005	Hoàng Văn	Hoàng		04/01/1998	23LC42SP1C	152	7.53	Khá	
379	23642006	Nguyễn Phạm Văn	Khuong		05/04/1993	23LC42SP1C	152	7.35	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
380	23642012	Lê Thị Tuyết	Soan	Nữ	01/05/1997	23LC42SP1C	152	7.90	Khá	
381	23642014	Đoàn Tiến	Tài		24/12/1997	23LC42SP1C	152	6.88	Khá	
382	23642021	Đình Công	Tuấn		04/11/2001	23LC42SP1C	152	6.74	Khá	
383	23842002	Hoàng Ngọc	Châu		23/10/1999	23LC42SP1L	152	7.12	Khá	
384	23842004	Nguyễn Thanh	Danh		27/11/1992	23LC42SP1L	152	6.85	Khá	
385	23842008	Nguyễn Mạnh	Duy		14/10/1995	23LC42SP1L	152	7.45	Khá	
386	23842006	Nguyễn Quốc	Đạt		11/08/1999	23LC42SP1L	152	7.15	Khá	
387	23842012	Vũ Văn	Hiếu		09/05/1999	23LC42SP1L	152	6.60	Khá	
388	23842017	Nguyễn Võ Thạch Chí	Khải		23/12/1997	23LC42SP1L	152	7.05	Khá	
389	23842018	Nguyễn Thanh	Lân		01/01/2000	23LC42SP1L	152	7.07	Khá	
390	23842028	Lê Văn	Quốc		25/08/1999	23LC42SP1L	152	7.87	Khá	
391	23842030	Trần Thanh	Sang		03/05/1998	23LC42SP1L	152	7.27	Khá	
392	23842034	Nguyễn Trọng	Thảo		03/01/2001	23LC42SP1L	152	7.20	Khá	
393	23842035	Võ Minh	Thiện		15/05/1997	23LC42SP1L	152	7.01	Khá	
394	23842036	Nguyễn Minh	Tiến		31/08/1999	23LC42SP1L	152	7.16	Khá	
395	23842038	Nguyễn Văn	Triệu		08/10/2000	23LC42SP1L	152	7.25	Khá	
396	23842039	Hồ Đình	Trọng		24/07/2002	23LC42SP1L	152	6.50	Khá	
397	23842040	Nguyễn Thành	Trọng		14/03/2002	23LC42SP1L	152	6.59	Khá	
398	23842041	Lê Bá	Trường		03/10/2000	23LC42SP1L	152	6.79	Khá	
399	23842045	Nguyễn Trần	Vũ		22/04/1995	23LC42SP1L	152	7.56	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
400	23643002	Trần Thiện	Bảo		25/02/1996	23LC43SP1	150	7.10	Khá	
401	23643003	Nguyễn Minh	Chung		09/09/1995	23LC43SP1	150	7.14	Khá	
402	23843002	Lê Minh	Hào		02/03/1999	23LC43SP1	150	7.12	Khá	
403	23643005	Trần Quốc	Hiếu		21/01/1997	23LC43SP1	150	6.97	Khá	
404	23643008	Nguyễn Nghĩa	Huynh		24/03/1998	23LC43SP1	150	7.94	Khá	
405	23643006	Trần Mạnh	Hùng		20/04/1994	23LC43SP1	150	7.30	Khá	
406	23643012	Nguyễn Trọng	Lực		04/08/1998	23LC43SP1	150	8.15	Giỏi	
407	23643013	Nguyễn Hồng	Ngọc		25/07/1993	23LC43SP1	150	7.11	Khá	
408	23843008	Thông Đức	Phúc		25/04/1999	23LC43SP1	150	6.98	Khá	
409	23643014	Phạm Ngọc	Quý		07/12/1989	23LC43SP1	150	7.62	Khá	
410	23843009	Nguyễn Văn	Sơn		03/12/1999	23LC43SP1	150	7.06	Khá	
411	23843012	Hồ Phước	Thường		05/02/1996	23LC43SP1	150	7.15	Khá	
412	23643015	Phan Anh	Tú		21/04/1998	23LC43SP1	150	6.66	Khá	
413	23845048	Đỗ Văn Đình	Duẩn		21/07/2001	23LC45COT1	150	7.17	Khá	
414	23645015	Nguyễn Trọng	Duy		28/11/1991	23LC45COT1	150	7.47	Khá	
415	23845053	Phùng Đình	Hiếu		14/09/1997	23LC45COT1	150	7.50	Khá	
416	23845061	Phạm Hữu Tiến	Thành		10/09/2001	23LC45COT1	150	7.12	Khá	
417	23845062	Huỳnh Tấn	Trình		10/10/2001	23LC45COT1	150	7.46	Khá	
418	23845065	Nguyễn Anh	Tuấn		12/10/2000	23LC45COT1	150	7.01	Khá	
419	23845064	Hà Đình	Tú		09/05/2001	23LC45COT1	150	7.42	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
420	23845069	Lê Nguyên	Giàu		15/07/1985	23LC45KH1	150	7.71	Khá	
421	23845080	Nguyễn Hồ Minh	Quang		28/08/2002	23LC45KH1	150	7.48	Khá	
422	23845083	Lê Hữu	Thông		28/09/2001	23LC45KH1	150	7.88	Khá	
423	23845085	Trần Trọng	Trí		13/05/2002	23LC45KH1	150	7.09	Khá	
424	23845088	Nguyễn Anh	Vũ		09/09/2003	23LC45KH1	150	6.71	Khá	
425	23645005	Châu Trí	Duy		19/03/1997	23LC45SP1	150	7.24	Khá	
426	23645008	Lê Trường	Duy		20/04/1996	23LC45SP1	150	6.78	Khá	
427	23645004	Nguyễn Tấn	Dũng		06/08/2001	23LC45SP1	150	7.45	Khá	
428	23845011	Nguyễn Huy	Hoàng		27/01/2002	23LC45SP1	150	6.47	Trung bình	
429	23845020	Nguyễn Quang	Minh		04/10/1999	23LC45SP1	150	6.95	Khá	
430	23645010	Võ Thành	Nguyên		01/01/2001	23LC45SP1	150	7.12	Khá	
431	23845026	Đỗ Sỹ	Quân		29/10/1998	23LC45SP1	150	6.52	Khá	
432	23845034	Vũ Văn	Thiên		19/07/2001	23LC45SP1	150	6.65	Khá	
433	23846005	Hồ Nguyên	Khang		26/07/2000	23LC46SP1	150	6.79	Khá	
434	23846006	Hà Phi	Long		13/05/2000	23LC46SP1	150	7.35	Khá	
435	23646004	Lê Văn Bảo	Long		18/04/1997	23LC46SP1	150	6.76	Khá	
436	23646005	Trần Trường	Long		31/03/2000	23LC46SP1	150	6.90	Khá	
437	23646007	Lê Thành	Nhật		25/05/2000	23LC46SP1	150	6.73	Khá	
438	23849004	Nguyễn Du	Khát		27/08/2000	23LC49AG1	153	6.65	Khá	
439	23849009	Võ Quốc	Ngạn		15/11/1999	23LC49AG1	153	6.90	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
440	23849010	Nguyễn Thanh	Nhàn		11/10/1997	23LC49AG1	153	7.32	Khá	
441	23849013	Trần Minh	Nhật		09/12/1997	23LC49AG1	153	7.42	Khá	
442	23849015	Trần Ngọc	Sơn		02/12/2002	23LC49AG1	153	7.00	Khá	
443	23649001	Nguyễn Phú	Thạnh		29/09/1997	23LC49AG1	153	7.05	Khá	
444	23849017	Lê Nhựt	Trường		15/01/1990	23LC49AG1	153	7.11	Khá	
445	23849023	Đào Hoàng	Tuấn		27/10/1990	23LC49AG1	153	7.48	Khá	
446	23849019	Nguyễn Hoàng	Tuấn		20/07/2002	23LC49AG1	153	7.29	Khá	
447	23851001	Nguyễn Ngọc	Chung		01/02/2000	23LC51SP1	150	6.72	Khá	
448	23651004	Nguyễn Tô Mạnh	Đức		18/01/2000	23LC51SP1	150	7.40	Khá	
449	23651005	Trần Minh	Đức		22/09/1999	23LC51SP1	150	7.32	Khá	
450	23651006	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	25/05/2000	23LC51SP1	150	7.23	Khá	
451	23651008	Phan Văn	Huy		17/11/2000	23LC51SP1	150	7.14	Khá	
452	23651010	Võ	Huy		19/06/2000	23LC51SP1	150	7.06	Khá	
453	23851005	Huỳnh Thúc	Khánh		14/08/1997	23LC51SP1	150	7.06	Khá	
454	23651011	Phạm Gia	Long		21/12/2001	23LC51SP1	150	6.85	Khá	
455	23651012	Vũ Phương	Nam		01/11/1999	23LC51SP1	150	7.93	Khá	
456	23651014	Phạm Khắc Xuân	Phương		02/01/1994	23LC51SP1	150	7.08	Khá	
457	23651015	Đặng Hoàng	Tài		09/08/2000	23LC51SP1	150	6.96	Khá	
458	23851007	Phạm Hồng	Thanh		25/09/2000	23LC51SP1	150	6.93	Khá	
459	23851008	Nguyễn Đặng	Thuận		12/05/2001	23LC51SP1	150	6.70	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
460	23661001	Nguyễn Bá	An		01/10/1997	23LC61SP1	150	7.66	Khá	
461	23861004	Bùi Anh	Dũng		25/08/1989	23LC61SP1	150	6.95	Khá	
462	23661003	Nguyễn Đình	Độ		12/12/1998	23LC61SP1	150	7.17	Khá	
463	23661006	Lê Chí	Hùng		19/02/1996	23LC61SP1	150	7.49	Khá	
464	23661008	Hoàng Quốc	Phi		11/07/1994	23LC61SP1	150	7.47	Khá	
465	23661010	Phạm Quý	Phương		08/08/1999	23LC61SP1	150	7.62	Khá	
466	23661009	Nguyễn Xuân	Phước		28/07/1995	23LC61SP1	150	7.56	Khá	
467	23661011	Nguyễn Hoàng	Sang		10/10/1993	23LC61SP1	150	7.34	Khá	
468	23861011	Hoàng Chí	Thắng		01/07/2000	23LC61SP1	150	7.09	Khá	
469	23861010	Lưu Công	Thắng		08/09/1990	23LC61SP1	150	7.85	Khá	
470	23661015	Nguyễn Xuân	Thông		14/01/1997	23LC61SP1	150	7.24	Khá	
471	23661017	Đặng Hữu	Tĩnh		11/03/1996	23LC61SP1	150	7.64	Khá	
472	23661019	Trần Văn	Trường		10/09/1995	23LC61SP1	150	7.32	Khá	

Tổng cộng: 472SV./.